

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 28 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						281 688	128 606	153 082			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						<u>91 408</u>	<u>47 209</u>	<u>44 199</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						60 560	47 209	13 351			
1		KDT CẦU ĐUÔNG	24/05	921/05	31/05	BN 1758	CỤC XỎ 1C	1 000	286	714	DỠ	TD	THAY TBGT SỐ 884/05 NGÀY 15/2/2025
2		DIỆN VĨNH TẤN 1	21/05	912/05		HẢI NAM 82	CÁM 6A.1	48 400	41 110	7 290	DỠ		
3		ĐẠM NINH BÌNH	27/05	927/05	31/05	NB 8829	CÁM 4A.1	2 760	2 299	461	DỠ		
4		THAN MIỀN NAM	26/05	926/05	31/05	VINACOMIN CẨM PHẢ	CÁM 5A.1	5 700	1 786	3 914	DỠ		
								2 700	1 729	972	DỠ		
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						30 848		30 848			
1		KDT BẮC THÁI	29/04	572/04	30/04	HD 2095	CÁM 1	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	29/04	573/04	30/04	BN 2022	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		KDT BẮC THÁI	29/04	574/03	30/04	BN 1958	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/04	614/04	29/04	BN 2565	BÚN 3A	1 958		1 958		TD	GIA HẠN L1
5		CROMIT THANH HOÁ	30/04	615/04	29/04	BN 2395	BÚN 3B	1 969		1 969		TD	GIA HẠN L1
6		CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
7		XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
8		DVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
9		CP HÀNG HẢI VN	12/05	818-B/05	20/05	BN 2616	BÚN 3B	1 700		1 700		TD	THAY TBGT SỐ 818/05 NGÀY 05/05/2025
10		ĐT TMDV VINACOMIN	06/05	832/05	21/05	BN 2122	CÁM 4B.1	2 000		2 000		TD	
11		THAN SÔNG HỒNG	22/05	834/05	21/05	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
12		DVVT QUẢNG NINH	07/05	841/05	22/05	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
13		CROMIT THANH HOÁ	08/05	843/05	14/05	NĐ 2926	BÚN 3B	1 408		1 408		TD	
14		KDT NINH BÌNH	14/05	878/05	31/05	BN 8519	CÁM 4A.1	3 005		3 005			
15		THAN ƯỜNG BÍ	14/05	880/05	31/05	BN 1886	BÚN 3B	900		900		TD	THAY TBGT SỐ 860/05 NGÀY 11/05/2025
16		KDT CẦU ĐUÔNG	15/05	884/05	31/05	BN 2056	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
17		KDT BẮC THÁI	15/05	885/05	31/05	BN 1368	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
18		KDT BẮC THÁI	18/05	892/05	31/05	BN 0746	CÁM 1	750		750		TD	THAY TBRT SỐ 372/03 NGÀY 29/04/2025
19		V-TRACO	21/05	914-B/05	31/05	BN 0979	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	Thay TBGT số 914/05 ngày 21/05/2025
20		CROMIT THANH HOÁ	27/05	928/05	31/05	ĐẠI THƯỜNG TÍN 18	CÁM 5A.1	3 900		3 900		PTCB	
21		DVVT QUẢNG NINH	27/05	292/05	31/05	BN 2196	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	THAY TBGT SỐ 816 NGÀY 27/5/2025
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>140 450</u>	<u>67 631</u>	<u>72 819</u>			
		<i>Tàu đang làm hàng</i>						111 600	67 631	43 969			
1		DIỆN VĨNH TẤN 1	19/05	898-B/05		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 600	27 457	143	27/05		TTHG:19.818,08 - KVCP:7.638,94

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 28 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/05	911/05		SUN GOLD	CÁM 6A.1	43 300	26 199	17 101	ĐỎ		TTCO:23.298,71 - TTHG:20.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/05	899/05		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	40 700	13 975	26 725	ĐỎ		TTCO: 24.800 - CLM:5.000 - CP KDT:5.000 -
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						28 850		28 850			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	26/05	925/05		HẢI NAM 39	CÁM 6A.10	28 850		28 850			KDT CP:8.000 - CLM:10.000 - KVCP:
II		KHO G9-HÓA CHẤT						33 060	6 527	26 533			
		Tàu đã làm hàng						9 085	6 527	2 558			
1		MIỀN BẮC	26/5	1 293	31/5	BN - 2556	CÁM 7B	1 690	1 687	3	27/5	PT CB	
2		CP VT&KD THAN	19/5	957	31/5	BN - 1799	CỤC 1B	1 000	987	13	27/5	TD	
3		THANH HOÁ	26/5	1 290	31/5	BN - 1826	CỤC 1B	1 000	998	2	27/5	TD	
4		CROMIT THANH HOÁ	25/5	1 255	31/5	VIỆT TRUNG 68	CÁM 8A	1 980	776	1 204	đỏ	TD	
5		CẦU ĐUÔNG	23/5	1 136	31/5	HD - 2155	CÁM 8A	1 870	1 265	605	đỏ	TD	
6		CROMIT THANH HOÁ	26/5	1 291	31/5	HD - 1955	CÁM 8A	1 545	814	731	đỏ	TD	
		Tàu đã làm lệnh						23 975		23 975			
1		CẦU ĐUÔNG	17/5	854	31/5	BN - 2225	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
2		CP DVVT QNINH	21/5	1 042	31/5	BN - 2339	CÁM 8A	1 900		1 900		TD	
3		CP ĐTTM&DV	21/5	1 051	31/5	BN - 1959	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
4		HẢ NỘI	22/5	1 120	31/5	BN - 2228	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
5		COALIMEX	23/5	1 152	31/5	BN - 1826	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
6		XD CN MỎ	23/5	1164B	31/5	BN - 1883	CỤC 1B	1 250		1 250		TD	
7		COALIMEX	23/5	1 166	31/5	HD - 2099	CÁM 8A	1 979		1 979		TD	
8		HẢI PHÒNG	25/5	1 216	31/5	HD - 6299	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	
9		SÔNG HỒNG	25/5	1 221	31/5	BN - 2112	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
10		MIỀN NAM	25/5	1 257	31/5	HOÀNG ANH 39	CÁM 8A	3 000		3 000		TD	
11		CP VT THUỶ	26/5	1 294	31/5	BN - 1348	CỤC 1B	950		950		TD	
12		CP HÀNG HẢI VN	26/5	1 302	31/5	BN - 1309	CÁM 8A	904		904		TD	
13		NINH BÌNH	27/5	1 327	31/5	TB - 1382	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
14		CẦU ĐUÔNG	27/5	1 328	31/5	BN - 2397	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
15		CP VT&KD THAN	27/5	1 349	31/5	BN - 2056	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
16		CP DVVT QNINH	27/5	1 351	31/5	BN - 1818	CÁM 8A	1 982		1 982		TD	
17		CẦU ĐUÔNG	27/5	1 352	31/5	BN - 2699	CÁM 7B	1 960		1 960		PT CB	
III		KHO BẢO NGUYỄN						-	-	-			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh											
1		ĐIỆN PHẢ LAI		1 310		HN 1809	CÁM 5A.14	3 500		3 500			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 28 THÁNG 05 NĂM 2025

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

--	--	--	--	--	--	--	--	--